TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 413/2023/HNGĐ-ST Ngày: 25-9-2023 V/v ly hôn giữa ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Đặng Thị Châu Loan

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19-9-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1970; căn cước công dân số 036070017212; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1 PO, phường LH, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1971; căn cước công dân số 036171004197; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1 PO, phường LH, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02-8-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Hoàng Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01-01-1992 tại Uỷ ban nhân dân phường LH (trước đây là Uỷ ban nhân dân xã LH), thành phố NĐ. Vợ chồng

chung sống hòa thuận đến ngày 12-02-2009 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau, không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống và có xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2-2019 đến nay. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà M.

- Về con chung: Ông và bà Trần Thị M có 03 (ba) con chung là Hoàng Thị Hải Y (giới tính: Nữ), sinh năm 1992; Hoàng Thế A (giới tính: Nam), sinh năm 1995; Hoàng Công D (giới tính: Nam), sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng, thành tự lập và có khả năng lao động, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 11-8-2023, biên bản hòa giải ngày 15-8-2023 bị đơn là bà Trần Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông Hoàng Văn C trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C chơi lô đề, cờ bạc, nợ nần, có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân. Nhiều năm nay bà đã phải trả nợ thay cho ông C. Vợ chồng hiện đang sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn khi chưa giải quyết xong tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

- Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 03 con chung như ông Hoàng Văn C trình bày. Các con chung đã trưởng thành tự lập và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của bà và ông Hoàng Văn C là trị giá công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Tổ 1 PO, phường LH, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định và 2.340 m^2 đất ruộng; đề nghị Tòa án giải quyết những khoản nợ của vợ chồng gồm: Số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và 01 cây vàng 9999 vay của bà Trần Thị T; 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) vay của bà Trần Thị S; 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) vay của ông Trần Đình Sơn.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 03-8-2023, chính quyền địa phương nơi ông C và bà M sinh sống cung cấp: Ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 01-01-1992 tại Uỷ ban nhân dân phường LH (trước đây là Uỷ ban nhân dân xã LH), thành phố NĐ. Ông C và bà M có 03 (ba) con chung là Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1992; Hoàng Thế A, sinh năm 1995; Hoàng Công D, sinh năm 1999. Ông C và bà M có xảy ra mâu thuẫn khoảng 03 năm nay. Vợ chồng đang sống ly thân. Bà M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà M, đề nghị Tòa án hỏi ý kiến, nguyện vọng của ông, bà để giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C: Xử ly hôn giữa ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M. Về con chung: Các con chung của ông C và bà M đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Hoàng Văn C là nguyên đơn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Hoàng Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Trần Thị M. Bị đơn là bà Trần Thị M không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là ông Hoàng Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Trần Thị M đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường LH (trước đây là Uỷ ban nhân dân xã LH), thành phố NĐ vào ngày 01-01-1992. Như vậy hôn nhân giữa ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M là hôn nhân hợp pháp.

Ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhiều năm nay và xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên bà M trình bày bà chỉ nhất trí ly hôn khi vợ chồng giải quyết xong về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn C, xử ly hôn giữa ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con chung:

Ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M có 03 (ba) con chung là Hoàng Thị Hải Y (giới tính: Nữ), sinh năm 1992; Hoàng Thế A (giới tính: Nam), sinh năm 1995; Hoàng Công D (giới tính: Nam), sinh năm 1999. Các con chung đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Ông Hoàng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Ngày 15-8-2023 bà Trần Thị M có đơn yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Xét thấy đơn của bà Trần Thị M chưa ghi đầy đủ địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị S và chị Hoàng Thị Hải Y, Toà án đã ra Thông báo 311/TB-TA ngày 16-8-2023 yêu cầu bà M sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Tuy nhiên, hết thời hạn bà M không sửa đổi, bổ sung đơn theo yêu cầu của Toà án. Do vậy, Toà án đã ra Thông báo số 02/TB-TA ngày 06-9-2023 trả lại đơn yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và tống đạt hợp lệ cho bà M. Quá trình tố tụng tiếp theo bà M không có ý kiến gì. Vì thế, Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của bà Trần Thị M. Nếu sau này bà Trần Thị M có yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật, Toà án sẽ thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Ông Hoàng Văn C là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ông Hoàng Văn C đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử ly hôn giữa ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Hoàng Văn C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Hoàng Văn C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000279 ngày 25-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

3. Ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường LH, TP. Nam Định (số 10 ngày 01-01-1992);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Anh

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường LH, TP. Nam Định (số 10 ngày 01-01-1992);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh